

Bản án số: **09/2024/DS-ST**

Ngày: 19/3/2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Công Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trịnh Quang Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc B – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng; Quyết định thay đổi kiểm sát viên và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Lê H, sinh năm 1994; địa chỉ: E ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tân V, sinh năm 1956; địa chỉ: 5 C, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo giấy ủy quyền công chứng ngày 27/11/2023 (có mặt).

+ Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1980 và ông Đào Văn B1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ G, khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023 và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn của ông Trần Lê H là ông Trần Tân V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng bà T ông B1 cần một số vốn để làm ăn. Sau khi thỏa thuận, ngày 28/12/2022, ông H cho bà Dương Thị T, ông Đào Văn B1 vay 500.000.000đ, hai bên lập giấy vay tiền; thời hạn trả 28/3/2023; không thể hiện lãi suất. Đến hạn trả nợ, nhiều lần ông H đến nhà để yêu cầu thanh toán nợ nhưng vợ

chồng bà T, ông B1 trốn tránh, không có thiện chí trả. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện buộc bà T, ông B1 phải trả số tiền đã vay 500.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

*Đối với bị đơn bà Dương Thị T, ông Đào Văn B1:*

Toà án đã tiến hành các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T, ông B1 không đến Toà làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi. Bà T, ông B1 chỉ cung cấp giấy căn cước công dân nhưng không đến Tòa án làm việc. Toà án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng phiên toà hôm nay bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thể thu thập lời khai của bà T, ông B1.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng nội dung quy định tại các điều 196, 197 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Lê H đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Dương Thị T, ông Đào Văn B1 vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Lê H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương Thị T, ông Đào Văn B2 thanh toán số tiền 500.000.000đ là có cơ sở nên cần chấp nhận. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà T, ông B2 có trách nhiệm trả lại số tiền vay 500.000.000đ; bị đơn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Qua nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Ngày 21/11/2023, ông Trần Lê H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị T, ông Đào Văn B1 phải thanh toán 500.000.000 đồng được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thị trấn N, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị T và ông Đào Văn B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Ngày 28/12/2022, ông **Trần Lê H** thỏa thuận cho bà **Dương Thị T**, ông **Đào Văn B1** vay 500.000.000 đồng; thời hạn đến ngày 28/3/2023; không thể hiện lãi suất, theo Giấy cho vay tiền lập ngày 28/12/2022 (bút lục 15). Căn cứ vào chứng cứ do ông **H** cung cấp cho Tòa án là Giấy cho vay tiền ngày 24/8/2022 thì thấy ở mục bên vay thể hiện có chữ ký, điểm chỉ và họ tên của bà **T**, ông **B1**. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định quan hệ vay tiền giữa ông **H** và bà **T**, ông **B1** là có thật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà **T**, ông **B1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông **H** là mặc nhiên thừa nhận đối với khoản nợ này, nhưng cố tình vắng mặt để trốn trách việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn. Do đó, bà **T**, ông **B1** phải chịu hậu quả về việc vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **H** là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Từ những nhận định trên cần tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Lê H**, buộc bà **T** và ông **B1** phải trả số tiền 500.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông **H** được Tòa án chấp nhận nên bà **T**, ông **B1** phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 118, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Lê H** đối với bà **Dương Thị T** và ông **Đào Văn B1**. Buộc bà **Dương Thị T** và ông **Đào Văn B1** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trần Lê H** số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) theo Giấy cho vay tiền ngày 28/12/2022.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Dương Thị T và ông Đào Văn B1 phải nộp 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ông Trần Lê H được hoàn trả 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001639 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19.3.2024) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CCTHA dân sự huyện Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



